

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 59/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 21- 8- 2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Cường.
- Ông Lê Thành Tam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thuý Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Diễm T, sinh 1997. Địa chỉ: ấp T Qui, xã T An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Đang tạm trú tại ấp P Quới, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Dương Thanh N, sinh 1994. Địa chỉ: ấp T Qui, xã T An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Anh N vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn Lê Thị Diễm T trình bày:

Năm 2014, chị Lê Thị Diễm T và anh Dương Thanh N cưới nhau theo phong tục tập quán. Chị T và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 31/8/2015, chị T và anh N được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2015, quyển số 01/2015. Sau khi cưới nhau vợ chồng hạnh phúc tại ấp T Qui, xã T An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Đến

năm 2021 thì mâu thuẫn phát sinh không khắc phục được dẫn đến ly tH nhau. Chị T về sinh sống bên gia đình cha mẹ ruột ở ấp P Quới, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Mục đích hôn nH không đạt được nên chị T khởi kiện xin ly hôn với anh N.

Chị T và anh N có một con chung tên là Dương Gia H, sinh ngày 08/7/2015. Hiện chị T đang trực triếp nuôi dưỡng cháu H. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực triếp nuôi dưỡng cháu H. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu H.

Chị T không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Tại biên bản hoà giải ngày 19/6/2023, bị đơn Dương Thanh N trình bày:

Anh N thừa nhận mối quan hệ hôn nH và con chung đúng như chị T trình bày. Anh N không đồng ý ly hôn với chị T, vì con thương chị T.

Trường hợp pháp luật cho chị T ly hôn với anh N, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh N yêu cầu chị T chấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh N không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Lê Thị Diễm T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với anh Dương Thanh N. Anh N có nơi cư trú tại ấp T Qui, xã T An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nH dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham dự phiên tòa. Nhưng anh N không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hôn nH:

Quan hệ hôn nH giữa chị T và anh N là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh N. Toà án đã hoà giải đoàn tụ nhưng không mang lại kết quả. Chị T cương quyết ly hôn với anh N. Trên thực tế, chị T đã ly tH với anh N từ năm 2021. Cho thấy đời sống chung giữa chị T và anh N không thể kéo dài. Mục đích hôn nH giữa chị T và anh N không thể đạt được. Chị T khởi kiện xin ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nH và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về con chung:

Chị T và anh N có một con chung tên là Dương Gia H, sinh ngày 08/7/2015. Chị T và anh N đều có quyền nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung ngang nhau. Tuy nhiên, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Cháu H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị T. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng pháp luật.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị T không yêu cầu. Nên không xét.

2.3. Về tài sản chung:

Chị T và anh N không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung. Nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Diễm T:

1. Về hôn nhân:

Chị Lê Thị Diễm T được ly hôn với anh Dương Thanh N.

2. Về con chung:

Giao chị Lê Thị Diễm T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Gia H, sinh ngày 08/7/2015.

Anh Dương Thanh N có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Không xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Nên không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Lê Thị Diễm T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị T được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 22/5/2023, lai số N^o 0001006. Chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Lê Thị Diễm T, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Dương Thanh N vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- UBND xã Mỹ An;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh